

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8,
Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9 – 40

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8,
Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là Tập đoàn) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Xuân Hàn	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Đỗ Hướng Dương	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Trương Thị Thanh Tâm	Thành viên
Ông Trịnh Ngọc Minh	Thành viên
Ông Lê Thiện Hưng	Thành viên
Ông Vũ Duy Tân Cảnh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 22/04/2016)
Ông Trịnh Phương Nam	Thành viên (bổ nhiệm ngày 22/04/2016)
Ông Nguyễn Tấn Phi Khanh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 22/04/2016)
Bà Trần Thị Lụa	Thành viên (miễn nhiệm ngày 22/04/2016)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đồng Thanh Bình	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 22/04/2016)
Bà Nguyễn Thị Thanh Tùng	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 22/04/2016)
Bà Nguyễn Thị Tiến	Thành viên (bổ nhiệm ngày 22/04/2016)
Ông Đặng Văn Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Trung	Thành viên (miễn nhiệm ngày 22/04/2016)

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Xuân Hàn	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Hướng Dương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Ngọc Minh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8,
Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

ngiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn công bố rằng, ngoại trừ các vấn đề được nêu trong Báo cáo kiểm toán kèm theo, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Hàn
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 04 năm 2017

Số: 17.144HN/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 03 tháng 04 năm 2017 từ trang 05 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn chưa đánh giá lại các khoản vay ngắn hạn có gốc ngoại tệ theo tỷ giá tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016 với số tiền là 8,4 tỷ đồng theo quy định tại chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam. Như vậy, nếu các khoản vay có gốc ngoại tệ nêu trên được đánh giá lại theo tỷ giá tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016 theo quy định thì trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2016, chỉ tiêu "Chi phí tài chính" sẽ tăng là 8,4 tỷ đồng và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế" sẽ giảm đi 6,72 tỷ đồng. Đồng thời, trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2016, chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" sẽ giảm đi với số tiền là 6,72 tỷ đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
0172-2016-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 04 năm 2017



Huỳnh Thị Ngọc Trinh
Kiểm toán viên

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
2124-2016-026-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08,
Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		760.305.135.071	649.200.915.289
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	68.146.110.747	73.911.689.969
1. Tiền	111		53.092.360.747	23.911.689.969
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.053.750.000	50.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		238.051.656.548	159.721.263.533
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	186.563.097.243	74.211.699.234
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	89.566.903.488	103.035.924.414
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	4.877.276.906	1.353.639.885
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(42.955.621.089)	(18.880.000.000)
III. Hàng tồn kho	140	5.7	451.028.071.639	411.583.776.485
1. Hàng tồn kho	141		451.028.071.639	413.583.776.485
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(2.000.000.000)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.079.296.137	3.984.185.302
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		392.288.241	653.727.011
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.858.329.015	1.284.222.134
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	828.678.881	2.046.236.157
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		274.121.275.352	258.239.624.408
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		16.000.000	16.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		16.000.000	16.000.000
II. Tài sản cố định	220		55.132.142.492	27.290.909.891
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	50.021.850.034	22.095.020.833
Nguyên giá	222		72.475.869.718	39.924.166.004
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.454.019.684)	(17.829.145.171)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	5.110.292.458	5.195.889.058
Nguyên giá	228		5.367.082.258	5.367.082.258
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(256.789.800)	(171.193.200)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.10	175.416.345.924	154.130.889.179
1. Nguyên giá	231		219.381.934.261	188.698.523.595
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(43.965.588.337)	(34.567.634.416)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		13.381.231.869	54.224.092.220
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	13.381.231.869	54.224.092.220
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	15.791.557.196	11.012.943.707
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		11.775.239.709	7.683.423.702
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.840.000.000	6.840.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.823.682.513)	(3.510.479.995)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		14.383.997.871	11.564.789.411
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	14.383.997.871	11.564.789.411
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.034.426.410.423	907.440.539.697

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08,
Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
Mẫu số B 01 - DN/HN

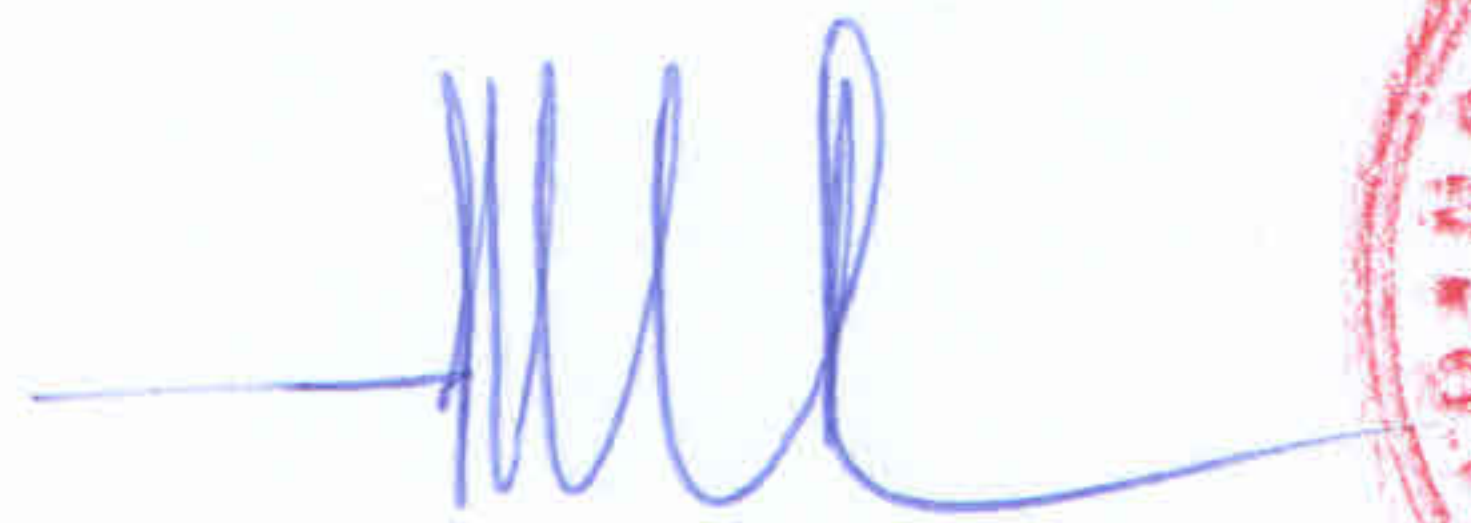
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		618.299.279.625	490.811.648.944
I. Nợ ngắn hạn	310		607.063.240.374	482.728.366.285
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	17.253.754.552	12.316.115.042
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		10.522.594	1.321.440.718
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	2.687.158.444	11.442.049.406
4. Phải trả người lao động	314		486.740	145.988.569
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	4.481.142.359	1.713.294.160
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.17	2.039.111.380	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		1.050.944.771	195.707.796
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.20	551.270.415.000	415.791.328.165
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.18	5.500.000.000	13.736.716.806
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.19	22.769.704.534	26.065.725.623
II. Nợ dài hạn	330		11.236.039.251	8.083.282.659
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.17	3.060.000.000	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	6.631.400.000	6.891.000.000
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.544.639.251	1.192.282.659
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		416.127.130.798	416.628.890.753
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.21.1	416.127.130.798	416.628.890.753
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.21.2	225.000.000.000	225.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		225.000.000.000	225.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		49.742.000.000	49.742.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	5.21.5	109.445.996.298	100.624.824.222
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	5.21.5	4.466.391.140	4.131.043.100
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		27.472.743.360	37.131.023.431
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		5.451.194.371	6.691.354.203
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		22.021.548.989	30.439.669.228
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.034.426.410.423	907.440.539.697



Bùi Thị Anh Thư
Người lập



Trần Thị Lụa
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Hàn
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 04 năm 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08,
Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.973.595.599.634	1.430.189.230.869
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		26.661.084	39.966.541
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.973.568.938.550	1.430.149.264.328
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.823.039.897.993	1.248.934.728.421
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		150.529.040.557	181.214.535.907
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	5.157.583.027	13.561.761.969
7. Chi phí tài chính	22	6.4	23.914.094.735	39.026.698.150
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		21.626.024.556	13.811.658.218
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24		(922.694.206)	(9.175.644.108)
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	44.346.945.515	40.886.238.759
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	50.521.387.865	32.074.227.170
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		35.981.501.263	73.613.489.689
12. Thu nhập khác	31		970.150.647	3.314.117.834
13. Chi phí khác	32		632.517.818	1.057.106.266
14. Lợi nhuận khác	40		337.632.829	2.257.011.568
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		36.319.134.092	75.870.501.257
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	5.174.681.225	16.095.038.605
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		352.356.592	1.101.618.593
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		30.792.096.275	58.673.844.059
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		30.792.096.275	58.673.844.059
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.21.4	1.324	2.474
21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.21.4	1.324	2.474

Bùi Thị Anh Thư
Người lập

Trần Thị Lụa
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Hàn
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 04 năm 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08,
Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

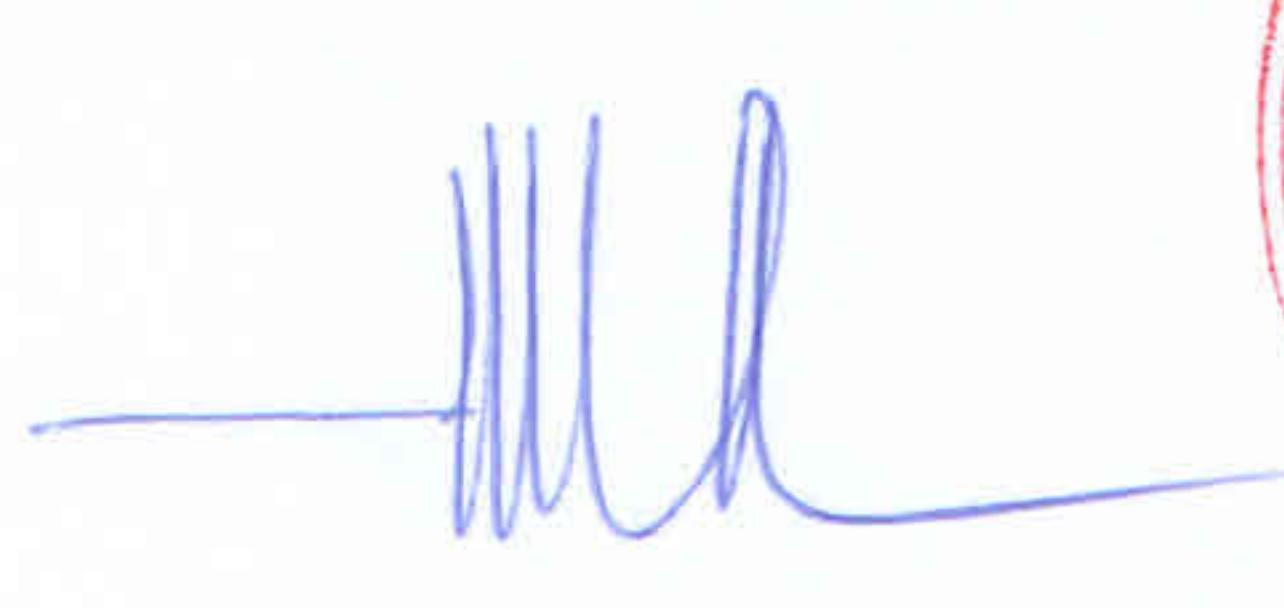
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		36.319.134.092	75.870.501.257
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	6.7	14.117.175.034	12.824.608.902
Các khoản dự phòng	03		13.152.106.801	(7.973.287.699)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	6.4	133.052.998	2.105.520.694
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		485.974.050	5.699.828.616
Chi phí lãi vay	06	6.4	21.626.024.556	13.811.658.218
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		85.833.467.531	102.338.829.988
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(101.816.628.670)	21.087.161.916
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(37.444.295.154)	42.523.070.061
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		16.016.073.548	(15.360.921.667)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(2.557.769.690)	(162.253.175)
Tiền lãi vay đã trả	14		(21.626.024.556)	(13.667.256.707)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	5.14	(15.583.869.577)	(20.295.495.620)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		42.475.000	40.715.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(12.349.835.032)	(9.336.827.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(89.486.406.600)	107.167.022.796
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(25.061.533.124)	(24.923.591.912)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		180.000.000	6.090.909
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(6.000.000.000)	(3.825.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		10.000.000	5.752.196.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		417.970.156	2.218.144.083
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(30.453.562.968)	(20.772.160.920)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	7.1	1.440.073.085.830	895.980.113.750
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(1.304.593.998.995)	(966.373.640.350)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(21.297.027.500)	(43.499.981.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		114.182.059.335	(113.893.508.200)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		(5.757.910.233)	(27.498.646.324)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		73.911.689.969	101.405.049.773
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(7.668.989)	5.286.520
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	5.1	68.146.110.747	73.911.689.969



Bùi Thị Anh Thư
Người lập



Trần Thị Lệ
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Hàn
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 04 năm 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8
Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch Vụ Phú Nhuận (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 02 tháng 10 năm 2001, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Dịch Vụ Phú Nhuận theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302416364 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 17 tháng 06 năm 2014.

Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 898/QĐ-SGDHN ngày 29 tháng 12 năm 2016 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 225 tỷ đồng.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có đầu tư vào công ty con như được trình bày tại mục 1.6 dưới đây (cùng với Công ty gọi chung là Tập đoàn).

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 152 (31/12/2015: 165).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại, dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Sản xuất, bán buôn, bán lẻ sản phẩm điện tử dân dụng, thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Xuất nhập khẩu hàng hóa tiêu dùng và vật tư sản xuất;
- Sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu;
- Kinh doanh bất động sản, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, kho bãi, cửa hàng, công trình dân dụng;
- Kinh doanh ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc Tập đoàn

Vào đầu năm 2016, Tập đoàn được cấu trúc theo hình thức sở hữu trực tiếp gồm công ty mẹ và 01 công ty con trực tiếp.

1.6. Công ty con được hợp nhất

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH MTV KS Hoa Mai Vàng	Số 75 Hoàng Văn Thụ, Phường 15, Quận Phú Nhuận, Thành Phố Hồ Chí Minh	100%	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

1.7. Các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty TNHH Công Nghệ Điện tử Phương Đông	Số 91 Nguyễn Du, Phường 7, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	30,00%	30,00%
2.	Công ty TNHH Quang Điện Xanh	Lầu 7, Tòa nhà Arirang, 131 Trần Huy Liệu, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	45,00%	45,00%
3.	Công ty TNHH Thương mại Điện tử Arirang	Số 93 Tô Hiệu, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội	46,15%	46,15%
4.	Công ty TNHH Truyền Thông Đa Phương Tiện Arirang	Lầu 5, Tòa nhà Arirang, 131 Trần Huy Liệu, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	45,00%	52,62%
5.	Công ty Cổ Phần Điện Tử Amtec	Lô A, Số 10A, Đường số 01, KCN Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	30,00%	30,53%

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2016 gồm:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh tại Đà Nẵng	206 Điện Biên Phủ, Phường Chính Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Chi nhánh tại Bình Dương	Lô B11, ô1,2,3, Đường D1, Khu Công Nghiệp Đất Cuốc, Xã Đất Cuốc, Huyện Bắc Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Câu lạc bộ Ngôi Sao	17 Lô C11 Phn Xích Long, Phường 02, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Trung Tâm Dịch Vụ Điện Tử	7 Hoàng Minh Giám, Phường 09, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Chi nhánh Gia Lai	1028 Hùng Vương, Thị trấn Chư Sê, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận – Trung Tâm Dịch Vụ Điện Tử	131 Trần Huy Liệu, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Hiệp Phước - Công ty Cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận	Lô A.10a Đường số 1, Khu Công Nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

2.2. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Ngoại tệ

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – Chi nhánh Bình Tây;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua ngoại tệ/ tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

4.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.4. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Tập đoàn nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong lãi lỗ của công ty liên kết sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên kết sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư khác

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn khác được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Tập đoàn phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Tập đoàn đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư khác

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc, việc trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính.

4.5. Các khoản phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi căn trừ với các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp:

- Hàng hóa, thành phẩm được xác định theo phương pháp giá đích danh;
- Nguyên vật liệu được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2016</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 – 20 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 10 năm

4.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại:

- Số 69 Hoàng Văn Thụ, Phường 15, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh trong 49 năm. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất;
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn tại 206 Điện Biên Phủ, Phường Chính Gián, Quận Thanh Khê, Đà Nẵng. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

4.9. Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo cách phân loại tài sản của Tập đoàn.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Tập đoàn không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

	<u>Năm 2016</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 50 năm
▪ Quyền sử dụng đất	46 năm
▪ Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm

Khi thanh lý/bán bất động sản đầu tư, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

4.11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan tiền thuê đất trả trước. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 34 đến 39 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4.12. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.13. Chi phí phải trả và dự phòng phải trả

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

4.14. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

4.15. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian thuê tài sản.

4.16. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần hợp nhất sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.17. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí thanh lý.

4.18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

4.19. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.20. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.21. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

4.22. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch.
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Tập đoàn chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Xuất khẩu nông sản: 0%;
- Bán hàng hóa nông sản trong nước: không tính thuế, 5% và 10%;
- Dịch vụ cho thuê: 10%;
- Các hàng hóa và dịch vụ khác: 5% và 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

4.23. Nguyên tắc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tiền mặt	1.823.859.827	832.341.633
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	51.268.500.920	23.079.348.336
Các khoản tương đương tiền	15.053.750.000	50.000.000.000
Cộng	<u>68.146.110.747</u>	<u>73.911.689.969</u>

Tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 – 2 tháng với lãi suất 4,3%/năm. Toàn bộ số dư tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại Công ty mẹ với số tiền là 64.849.072.854 được đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn ngân hàng – Xem thêm mục 5.20.

(Xem tiếp trang sau)



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8,
Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh liên kết được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2016			Tại ngày 01/01/2016		
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn góp theo phương pháp giá gốc	Tăng/giảm trong năm	Vốn góp theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Vốn góp theo phương pháp giá gốc	Tăng/giảm trong năm	Vốn góp theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào các công ty liên kết:						
Công ty TNHH Công Nghệ Điện tử Phương Đông	1.500.000.000	1.909.444.243	3.409.444.243	1.500.000.000	817.423.147	2.317.423.147
Công ty TNHH Quang Điện Xanh	2.025.000.000	(968.988.831)	1.056.011.169	2.025.000.000	(968.988.831)	1.056.011.169
Công ty TNHH Thương mại Điện tử Arirang	3.000.000.000	796.651.444	3.796.651.444	3.000.000.000	830.753.159	3.830.753.159
Công ty TNHH Truyền Thông Đa Phương Tiện Arirang	1.575.000.000	(1.074.398.861)	500.601.139	1.575.000.000	(1.095.763.773)	479.236.227
Công ty TNHH XNK Nông sản Phú Long	-	-	-	10.000.000.000	(10.000.000.000)	-
Công ty Cổ Phần Điện Tử Amtec	9.000.000.000	(5.987.468.286)	3.012.531.714	3.000.000.000	(3.000.000.000)	-
Cộng	17.100.000.000	(5.324.760.291)	11.775.239.709	21.100.000.000	(13.265.010.614)	7.683.423.702

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8,
Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2016			Tại ngày 01/01/2016		
	VND			VND		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác:						
Công ty CP Alo360.com	6.000.000.000	(2.823.682.513)		6.000.000.000	(3.510.479.995)	
Công ty CP Dịch vụ và xúc tiến Thương mại	840.000.000	-		840.000.000	-	
Cộng	6.840.000.000	(2.823.682.513)		6.840.000.000	(3.510.479.995)	

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải thu từ khách hàng:		
Phải thu Bà Phạm Thị Phương Liên tiền bán căn nhà số 108 Lê Lợi, Phường 4, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	68.000.000.000	-
Doanh nghiệp tư nhân Tuấn Trung	10.321.513.772	6.660.001.000
Các khách hàng khác	56.167.715.847	21.071.238.144
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – xem thêm mục 9	52.073.867.624	46.480.460.090
Cộng	186.563.097.243	74.211.699.234

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn và được đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn ngân hàng – Xem thêm mục 5.20.

5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Trả trước cho khách hàng:		
Công ty TNHH XNK Nông Sản Phú Long	35.940.658.923	35.582.867.427
Công ty TNHH Thuận Kiều	29.050.690.446	29.050.690.446
Công ty CP Khâm Vĩnh Hưng	-	12.543.830.000
Các khách hàng khác	24.575.554.119	25.858.536.541
Cộng	89.566.903.488	103.035.924.414
Trong đó, trả trước cho người bán là các bên liên quan – xem thêm mục 9	4.376.629.000	38.276.417.827

5.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu Trung tâm thể dục thể thao Quận Phú Nhuận về quảng cáo thương hiệu	3.900.000.000	-	-	-
Phải thu khác	977.276.906	-	1.353.639.885	-
Cộng	4.877.276.906	-	1.353.639.885	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.6. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản ứng trước cho người bán quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	64.991.349.369	22.035.728.280	64.633.557.873	45.753.557.873

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ ứng trước cho người bán quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2016 000'VND			Tại ngày 01/01/2016 000'VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH XNK Nông Sản Phú Long	35.940.659	22.035.728	Từ 6 tháng – 1 năm	35.582.867	35.582.867	-
Công ty TNHH Thuận Kiều	29.050.690	-	Trên 3 năm	29.050.690	10.170.690	Từ 1 – 3 năm
Cộng	64.991.349	22.035.728		64.633.557	45.753.557	

5.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	1.078.764.485	-	5.385.944.688	-
Nguyên liệu, vật liệu	105.518.415.941	-	109.417.457.099	-
Công cụ, dụng cụ	1.805.425.164	-	1.315.570.612	-
Thành phẩm	103.307.437.744	-	5.438.483.693	-
Hàng hóa	239.318.028.305	-	218.158.298.893	(2.000.000.000)
Hàng hóa bất động sản	-	-	73.868.021.500	-
Cộng	451.028.071.639	-	413.583.776.485	(2.000.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CONĐịa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8,
Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2016	23.165.632.367	7.060.448.354	9.628.981.633	69.103.650	39.924.166.004
Mua trong năm	-	3.901.567.636	545.000.000	-	4.446.567.636
Đầu tư XDCB hoàn thành	15.287.714.132	12.997.421.946	-	-	28.285.136.078
Thanh lý, nhượng bán	-	(180.000.000)	-	-	(180.000.000)
Tại ngày 31/12/2016	38.453.346.499	23.779.437.936	10.173.981.633	69.103.650	72.475.869.718
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2016	6.711.769.380	5.821.661.533	5.283.237.222	12.477.036	17.829.145.171
Khấu hao trong năm	1.895.359.786	1.867.666.520	859.080.943	11.517.264	4.633.624.513
Thanh lý, nhượng bán	-	(8.750.000)	-	-	(8.750.000)
Tại ngày 31/12/2016	8.607.129.166	7.680.578.053	6.142.318.165	23.994.300	22.454.019.684
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2016	16.453.862.987	1.238.786.821	4.345.744.411	56.626.614	22.095.020.833
Tại ngày 31/12/2016	29.846.217.333	16.098.859.883	4.031.663.468	45.109.350	50.021.850.034

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 7.395.057.828 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất	Tại ngày 01/01/2016 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 31/12/2016 VND
Nguyên giá	5.367.082.258	-	-	5.367.082.258
Giá trị hao mòn lũy kế	(171.193.200)	(85.596.600)	-	(256.789.800)
Giá trị còn lại	5.195.889.058			5.110.292.458

5.10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2016	26.145.204.255	136.659.319.340	25.894.000.000	188.698.523.595
Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	27.684.206.050	5.999.279.226	33.683.485.276
Giảm khác	-	(1.501.140.352)	(1.498.934.258)	(3.000.074.610)
Tại ngày 31/12/2016	26.145.204.255	162.842.385.038	30.394.344.968	219.381.934.261
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2016	548.552.786	17.562.731.265	16.456.350.365	34.567.634.416
Khấu hao trong năm	272.830.526	5.568.887.010	3.556.236.385	9.397.953.921
Tại ngày 31/12/2016	821.383.312	23.131.618.275	20.012.586.750	43.965.588.337
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2016	25.596.651.469	119.096.588.075	9.437.649.635	154.130.889.179
Tại ngày 31/12/2016	25.323.820.943	139.710.766.763	10.381.758.218	175.416.345.924

Giá trị còn lại cuối kỳ của bất động sản đầu tư dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay là 124.842.555.559 VND – Xem thêm mục 5.20.

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê là 7.447.866.664 VND.

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8,
Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Công trình Khu Công nghiệp Đất Cuốc	9.564.666.072	19.193.612.342
Công trình Hiệp Phước 2	1.144.170.873	33.102.916.991
Các công trình và mua sắm TSCĐ khác	2.672.394.924	1.927.562.887
Cộng	13.381.231.869	54.224.092.220

5.12. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tiền thuê đất dài hạn KCN Hiệp Phước 1 và Hiệp Phước 2	5.723.667.769	5.901.207.407
Tiền thuê đất dài hạn KCN Đất Cuốc	4.841.107.368	4.973.107.368
Các khoản khác	3.819.222.734	690.474.636
Cộng	14.383.997.871	11.564.789.411

Trong đó, giá trị tiền thuê đất dài hạn KCN Hiệp Phước 1 và Hiệp Phước 2 dùng đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 5.20.

5.13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH TM DV Hoàng Nghi Coffee Chunghsin Technology Group Co., Ltd	6.250.846.290	6.250.846.290	-	-
Doanh Nghiệp Tư Nhân Hà Gia Mẫn	5.454.011.640	5.454.011.640	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công Nghiệp - Descon	-	-	7.210.183.973	7.210.183.973
Victory Top International Ltd	-	-	1.521.708.459	1.521.708.459
Phải trả cho các đối tượng khác	3.208.611.207	3.208.611.207	1.493.076.000	1.493.076.000
Cộng	17.253.754.552	17.253.754.552	12.316.115.042	12.316.115.042

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8,
Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.14. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2016		Trong năm		Tại ngày 31/12/2016	
	VND		VND		VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	302.727.078	28.866.250	87.201.351.679	85.028.337.930	-	1.899.152.921
Thuế xuất, nhập khẩu	1.344.459.316	-	5.692.114.048	4.350.204.252	2.549.520	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	40.876.402	9.924.833.394	5.174.681.225	15.583.869.577	525.231.360	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.158.294.383	3.212.370.138	3.912.714.377	-	456.105.674
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	330.055.379	5.788.418.357	5.788.418.357	-	330.055.379
Các loại thuế khác	358.173.361	-	1.421.517.866	1.364.242.506	300.898.001	1.844.470
Các khoản phí, lệ phí	-	-	34.124	34.124	-	-
Cộng	2.046.236.157	11.442.049.406	108.490.487.437	116.027.821.123	828.678.881	2.687.158.444

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Trích trước chi phí quảng cáo	3.900.000.000	-
Trích trước chi phí xây dựng	-	1.693.380.593
Các khoản trích trước khác	581.142.359	19.913.567
Cộng	4.481.142.359	1.713.294.160

5.16. Phải trả dài hạn khác

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	6.631.400.000	6.891.000.000

5.17. Doanh thu chưa thực hiện

Ngắn hạn: Là các khoản doanh thu Công ty mẹ bán cho các công ty liên kết nhưng chưa được bán ra ngoài vào thời điểm cuối năm.

Dài hạn: Là khoản doanh thu nhận trước về tiền cho thuê bảng quảng cáo điện tử với Công ty TNHH Quảng Cáo Trừng Vàng với thời hạn 5 năm.

5.18. Dự phòng phải trả

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Dự phòng phải trả bảo hành sản phẩm	5.500.000.000	8.736.716.806
Dự phòng quỹ tiền lương	-	5.000.000.000
Cộng	5.500.000.000	13.736.716.806

5.19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tại ngày đầu năm	26.065.725.623	25.203.322.623
Trích lập trong năm	3.000.000.000	6.300.000.000
Tặng khác	36.490.000	34.730.000
Sử dụng trong năm	(6.332.511.089)	(5.472.327.000)
Tại ngày cuối năm	22.769.704.534	26.065.725.623

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8,
Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.20. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay ngắn hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 01/01/2016		Trong năm		Tại ngày 31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Bình Tây	278.038.728.110	278.038.728.110	931.702.556.630	835.324.324.350	374.416.960.390	374.416.960.390
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Phú Nhuận	137.752.600.055	137.752.600.055	508.370.529.200	469.269.674.645	176.853.454.610	176.853.454.610
Tổng cộng	415.791.328.165	415.791.328.165	1.440.073.085.830	1.304.593.998.995	551.270.415.000	551.270.415.000

Các khoản vay ngân hàng chịu lãi suất 5,0%/năm - 6,7%/năm đối với VND và 2,5% - 3,5%/năm đối với USD. Các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam được đảm bảo bằng:

- Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của Công ty mẹ tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác – Xem thêm mục 5.1;
- Các khoản phải thu từ các hợp đồng kinh tế - Xem thêm mục 5.3;
- Giá trị nhà và quyền sử dụng đất tại 129 Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 15, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh và giá trị nhà tại 149-151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh - Xem thêm mục 5.10;
- Các tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có là quyền sử dụng đất, toàn bộ tài sản trên đất thuộc dự án Hiệp Phước 1, Hiệp Phước 2 – Xem thêm mục 5.10 và mục 5.12.

Các khoản vay tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Phú Nhuận là các khoản vay tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CONĐịa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8,
Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.21. Vốn chủ sở hữu****5.21.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2015	224.999.770.000	49.742.230.000	83.736.612.322	1.995.543.100	53.972.345.492	414.446.500.914
Tăng vốn trong năm trước	230.000	(230.000)	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	58.673.844.059	58.673.844.059
Chia cổ tức	-	-	-	-	(44.999.981.600)	(44.999.981.600)
Trích lập quỹ thuộc nguồn vốn	-	-	16.888.211.900	3.000.000.000	(19.888.211.900)	-
Trích quỹ khác	-	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(6.300.000.000)	(6.300.000.000)
Sử dụng quỹ	-	-	-	(864.500.000)	-	(864.500.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(1.326.972.620)	(1.326.972.620)
Tại ngày 01/01/2016	225.000.000.000	49.742.000.000	100.624.824.222	4.131.043.100	37.131.023.431	416.628.890.753
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	30.792.096.275	30.792.096.275
Chia cổ tức	-	-	-	-	(22.511.970.000)	(22.511.970.000)
Trích lập quỹ thuộc nguồn vốn	-	-	10.173.844.059	2.000.000.000	(12.173.844.059)	-
Trích quỹ khác	-	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Sử dụng quỹ	-	-	(1.352.671.983)	(1.664.651.960)	-	(3.017.323.943)
Tăng khác	-	-	-	-	235.437.713	235.437.713
Tại ngày 31/12/2016	225.000.000.000	49.742.000.000	109.445.996.298	4.466.391.140	27.472.743.360	416.127.130.798

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN
VÀ CÔNG TY CON**Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8,
Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.21.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
Vốn góp đầu năm	225.000.000.000	224.999.770.000
Vốn góp tăng trong năm	-	230.000
Vốn góp cuối năm	225.000.000.000	225.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	22.511.970.000	44.999.981.600

5.21.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	22.500.000	22.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	22.500.000	22.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	22.500.000	22.500.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần

5.21.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận hợp nhất sau thuế thu nhập doanh nghiệp	30.792.096.275	58.673.844.059
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(1.000.000.000)	(3.000.000.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	29.792.096.275	55.673.844.059
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	22.500.000	22.500.000
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.324	2.474

(*) Quỹ khen thưởng phúc lợi được tạm trích theo Quyết định của Ban Tổng Giám đốc và số liệu trích quỹ khen thưởng phúc lợi này sẽ được trình Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông trong kỳ Đại hội cổ đông 2017.

5.21.5. Các quỹ của Tập đoàn

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND
Tại ngày 01/01/2016	100.624.824.222	4.131.043.100
Trích trong năm	10.173.844.059	2.000.000.000
Chi trong năm	(1.352.671.983)	(1.664.651.960)
Tại ngày 31/12/2016	109.445.996.298	4.466.391.140

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	<u>Tại ngày 31/12/2016</u>	<u>Tại ngày 01/01/2016</u>
Ngoại tệ các loại: USD	548.867,37	160.928,41

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm 2016 VND</u>	<u>Năm 2015 VND</u>
Doanh thu bán hàng	1.851.910.479.300	1.396.133.264.433
Doanh thu cung cấp dịch vụ	34.969.432.153	34.055.966.436
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	86.715.688.181	-
Cộng	<u>1.973.595.599.634</u>	<u>1.430.189.230.869</u>
Trong đó, Doanh thu đối với các bên liên quan – Xem thêm mục 9	413.023.093.310	141.845.162.712

6.2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm 2016 VND</u>	<u>Năm 2015 VND</u>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.728.800.938.706	1.238.896.324.080
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	22.312.028.696	20.642.404.341
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	73.926.930.591	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.000.000.000)	(10.604.000.000)
Cộng	<u>1.823.039.897.993</u>	<u>1.248.934.728.421</u>

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm 2016 VND</u>	<u>Năm 2015 VND</u>
Lãi tiền gửi	417.970.156	1.670.987.421
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	547.156.662
Lãi bán các khoản đầu tư	10.000.000	1.251.580.500
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.697.718.863	5.097.717.991
Lãi chậm thanh toán	1.031.894.008	4.994.319.395
Cộng	<u>5.157.583.027</u>	<u>13.561.761.969</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8,
Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6.4. Chi phí tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí lãi vay	21.626.024.556	13.811.658.218
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	191.943.691	146.628.881
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.649.870.972	20.507.134.862
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ	133.052.998	2.105.520.694
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(686.797.482)	2.455.755.495
Cộng	23.914.094.735	39.026.698.150

6.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên	14.184.543.613	14.402.130.081
Chi phí vật liệu, bao bì, dụng cụ, đồ dùng	3.740.473.123	749.477.318
Chi phí khấu hao tài sản cố định	893.780.557	564.230.360
Chi phí bảo hành	1.562.595.206	2.362.629.361
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.974.172.993	8.300.592.571
Chi phí bằng tiền khác	16.991.380.023	14.507.179.068
Cộng	44.346.945.515	40.886.238.759

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	13.883.299.049	10.762.031.250
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	588.349.587	395.956.913
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.542.469.469	1.588.705.756
Thuế, phí và lệ phí	1.431.467.236	1.464.778.442
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	24.075.621.089	4.355.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	665.942.727	775.171.608
Chi phí quảng cáo thương hiệu	-	5.311.120.909
Chi phí bằng tiền khác	8.334.238.708	12.732.583.201
Cộng	50.521.387.865	32.074.227.170

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8,
Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6.7. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.201.349.475.217	457.930.186.164
Chi phí nhân công	33.046.284.735	27.294.596.240
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.117.175.034	12.824.608.902
Chi phí dự phòng	16.940.780.844	6.717.629.361
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.998.209.452	10.856.946.885
Chi phí khác bằng tiền	32.143.291.850	35.563.443.991
Cộng	1.320.595.217.132	551.187.411.543

6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được hợp nhất từ chi phí thuế TNDN của các công ty trong Tập đoàn với thuế suất TNDN là 20% đối với tất cả các công ty trong Tập đoàn.

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

7.1. Các khoản đi vay thực thu trong kỳ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.440.073.085.830	895.980.113.750

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.304.593.998.995	966.373.640.350

8. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Kinh doanh nông sản;
- Kinh doanh hàng điện tử;
- Kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:

	Kinh doanh nông sản		Kinh doanh hàng điện tử		Kinh doanh bất động sản		Hoạt động khác		Loại trừ		Tổng cộng	
	Năm 2016 Triệu VND	Năm 2015 Triệu VND	Năm 2016 Triệu VND	Năm 2015 Triệu VND	Năm 2016 Triệu VND	Năm 2015 Triệu VND	Năm 2016 Triệu VND	Năm 2015 Triệu VND	Năm 2016 Triệu VND	Năm 2015 Triệu VND	Năm 2016 Triệu VND	Năm 2015 Triệu VND
Doanh thu thuần												
Từ khách hàng bên ngoài	1.313.399	724.189	535.734	595.052	29.569	28.514	94.867	82.394	-	-	1.973.569	1.430.149
Giữa các bộ phận	584.150	101.426	59.874	71.132	-	-	1.077	1.340	(645.101)	(173.898)	-	-
Cộng	1.897.549	825.615	595.608	666.184	29.569	28.514	95.944	83.734	(645.101)	(173.898)	1.973.569	1.430.149
Kết quả hoạt động kinh doanh												
Kết quả của bộ phận	29.449	(23.653)	95.493	135.391	13.361	14.117	13.303	56.699	(1.077)	(1.340)	150.529	181.215
Chi phí không phân bổ											94.868	72.960
Thu nhập tài chính											5.158	13.562
Chi phí tài chính											23.914	39.027
Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết											(923)	(9.176)
Lợi nhuận trước thuế											36.319	75.871
Chi phí thuế TNDN hiện hành											5.175	16.095
Chi phí thuế TNDN hoãn lại											352	1.102
Lợi nhuận sau thuế											30.792	58.674

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8,
Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**Các thông tin khác**

	Kinh doanh nông sản		Kinh doanh hàng điện tử		Kinh doanh bất động sản		Hoạt động khác		Tổng cộng	
	Tại ngày 31/12/2016 Triệu VND	Tại ngày 31/12/2015 Triệu VND	Tại ngày 31/12/2016 Triệu VND	Tại ngày 31/12/2015 Triệu VND	Tại ngày 31/12/2016 Triệu VND	Tại ngày 31/12/2015 Triệu VND	Tại ngày 31/12/2016 Triệu VND	Tại ngày 31/12/2015 Triệu VND	Tại ngày 31/12/2016 Triệu VND	Tại ngày 31/12/2015 Triệu VND
Tài sản không phân bổ									1.034.426	907.441
Tổng tài sản									1.034.426	907.441
Nợ phải trả không phân bổ									618.299	490.812
Tổng nợ phải trả									618.299	490.812
									Năm 2016	Năm 2015
									Triệu VND	Triệu VND
Chi phí mua sắm tài sản									25.062	24.924
Chi phí khấu hao									14.117	12.825

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ cấu tổ chức hoạt động của Tập đoàn, những dữ liệu dưới đây còn trình bày các thông tin theo khu vực địa lý là bộ phận thứ yếu.

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:

	TP. Hồ Chí Minh		Gia Lai		Đà Nẵng		Bình Dương		Tổng cộng	
	Năm 2016 Triệu VND	Năm 2015 Triệu VND	Năm 2016 Triệu VND	Năm 2015 Triệu VND	Năm 2016 Triệu VND	Năm 2015 Triệu VND	Năm 2016 Triệu VND	Năm 2015 Triệu VND	Năm 2016 Triệu VND	Năm 2015 Triệu VND
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	1.532.627	1.320.354	919	42.231	61.875	67.604	378.148	-	1.973.569	1.430.189
Chi phí mua sắm tài sản									25.062	24.924

Doanh thu bộ phận được dựa trên cơ sở vị trí địa lý của khách hàng. Tài sản và chi phí mua sắm tài sản cố định bộ phận được trình bày theo vị trí địa lý của tài sản.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8,
Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

9. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tập đoàn đã có giao dịch trọng yếu với các bên liên quan sau:

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty TNHH MTV Khách Sạn Hoa Mai Vàng	Công ty con
2. Công ty TNHH Công Nghệ Điện tử Phương Đông	Công ty liên kết
3. Công ty TNHH Quang Điện Xanh	Công ty liên kết
4. Công ty TNHH Thương mại Điện tử Arirang	Công ty liên kết
5. Công ty TNHH Truyền Thông Đa Phương Tiện Arirang	Công ty liên kết
6. Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nông sản Phú Long	Công ty liên kết đến ngày 27/06/2016
7. Công ty Cổ phần Điện Tử Amtec	Công ty liên kết
8. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 31/12/2016 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2016 VND</u>
Phải thu khách hàng:		
Công ty Cổ Phần Điện Tử Amtec	50.457.530.267	44.388.397.570
Công ty TNHH Thương mại Điện tử Arirang	1.616.337.357	2.092.062.520
	<u>52.073.867.624</u>	<u>46.480.460.090</u>
Cộng – Xem thêm mục 5.3		
	<u>Tại ngày 31/12/2016 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2016 VND</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn:		
Công ty Cổ Phần Điện Tử Amtec	4.370.130.000	-
Công ty TNHH Công Nghệ Điện tử Phương Đông	6.499.000	2.693.550.400
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nông sản Phú Long	-	35.582.867.427
	<u>4.376.629.000</u>	<u>38.276.417.827</u>
Cộng – Xem thêm mục 5.4		
Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:		
	<u>Năm 2016 VND</u>	<u>Năm 2015 VND</u>
Bán hàng:		
Công ty TNHH Quang Điện Xanh	-	788.010.575
Công ty TNHH Thương mại Điện tử Arirang	32.468.205.144	50.599.262.294
Công ty TNHH Truyền Thông Đa Phương Tiện Arirang	473.836.706	1.178.832.409
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nông sản Phú Long	342.921.626.213	15.295.105.148
Công ty CP Điện tử Amtec	37.159.425.247	73.983.952.286
	<u>413.023.093.310</u>	<u>141.845.162.712</u>
Cộng – Xem thêm mục 6.1		

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN
VÀ CÔNG TY CON**Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8,
Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2015</u> <u>VND</u>
Mua hàng:		
Công ty TNHH Công Nghệ Điện tử Phương Đông	38.073.597.500	33.460.777.909
Công ty TNHH Truyền Thông Đa Phương Tiện Arirang	2.620.206.364	-
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nông sản Phú Long	379.110.845.732	335.705.987.812
Công ty Cổ Phần Điện Tử Amtec	66.092.605.000	86.276.640.000
Cộng	<u>485.897.254.596</u>	<u>455.443.405.721</u>

	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2015</u> <u>VND</u>
Góp vốn:		
Công ty Cổ Phần Điện Tử Amtec	6.000.000.000	-
Công ty TNHH Quang Điện Xanh	-	225.000.000
Công ty TNHH Truyền Thông Đa Phương Tiện Arirang	-	600.000.000
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nông sản Phú Long	-	6.000.000.000
Cộng	<u>6.000.000.000</u>	<u>6.825.000.000</u>

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận do Tập đoàn công bố. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc Công ty và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2015</u> <u>VND</u>
Thù lao và thu nhập	6.001.992.693	9.106.978.016

10. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2015</u> <u>VND</u>
Thù lao và thu nhập	489.600.000	1.486.799.997

11. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG CHO THUÊ HỢP ĐỒNG

Tập đoàn cho thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng cho thuê có kỳ hạn trung bình từ 1 năm đến 5 năm, với tiền cho thuê cố định mỗi kỳ:

	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2015</u> <u>VND</u>
Doanh thu cho thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	29.568.663.207	28.514.471.649

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8,
Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2016, Tập đoàn có các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không huỷ ngang theo các thời hạn:

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Từ 1 năm trở xuống	23.114.750.909	26.612.653.637
Trên 1 năm đến 5 năm	16.103.709.091	28.844.823.636
Cộng	39.218.460.000	55.457.477.273

12. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Trích):

	Năm 2015 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2015 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.474	2.452
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.474	2.452

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do Quỹ khen thưởng phúc lợi được trừ ra khi tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm trước là số tạm tính theo Quyết định của hội đồng quản trị. Quỹ khen thưởng phúc lợi được trừ ra khi tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu trong số liệu được báo cáo lại là số tiền theo Nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông 2016.

13. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

Bùi Thị Anh Thư
Người lập

Trần Thị Lệ
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Hàn
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 04 năm 2017

Số : 20.../2017/CV-MSC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 4 năm 2017

V/v: giải trình chênh lệch trước
và sau kiểm toán tại BCTC hợp nhất
quý 4/2016.

**Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước.
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.**

Nhằm bổ sung thông tin liên quan đến Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất Quý 4 năm 2016 chênh lệch trước và sau kiểm toán, theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC phân công bố thông tin của tổ chức niêm yết, Công ty Cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận (mã cổ phiếu MSC) xin được thuyết minh thêm một số nội dung như sau:

Nội dung	BCTC hợp nhất Quý 4/2016		Tăng/Giảm (+/-)	
	Trước kiểm toán	Sau kiểm toán		
Lợi nhuận sau thuế	43.053.958.583	30.792.096.275	- 12.261.862.308	- 39,8 %

Nguyên nhân lợi nhuận sau thuế giảm: Công ty xem xét trích bổ sung cho các khoản dự phòng cuối năm từ 29 tỷ đồng lên 45,7 tỷ đồng nên làm ảnh hưởng đến chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT

Người thực hiện CBTT



Đỗ Hương Dương

Số : 21.../2017/CV-MSC
V/v: giải trình kết quả KD
BCTC hợp nhất năm 2016

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 4 năm 2017

**Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Nhằm bổ sung thông tin liên quan đến Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2016 theo quy định tại mục 4 điều 11 chương III Thông tư 155/2015/TT-BTC phân công bổ thông tin của tổ chức niêm yết, Công ty Cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận (mã cổ phiếu niêm yết MSC) xin được thuyết minh thêm một số nội dung như sau:

Nội dung	Năm 2015	Năm 2016	Tăng/Giảm (+/-)	
Doanh thu thuần	1.430.149.264.328	1.973.568.938.550	+ 543.419.674.222	+ 38 %
Lợi nhuận gộp	181.214.535.907	150.529.040.557	-30.685.495.350	- 16,9 %
Lợi nhuận sau thuế	58.673.844.059	30.792.096.275	- 27.881.747.784	- 47,5 %

1. Doanh thu thuần tăng 38%: chủ yếu tăng doanh thu nông sản xuất khẩu, ngành kinh doanh này lợi nhuận không cao.

2. Tổng lợi nhuận sau thuế theo Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2016 giảm 47,5% so với năm 2015 do ảnh hưởng của các yếu tố chính sau:


- Chi phí đầu vào tăng cao làm cho ảnh hưởng tăng giá vốn hàng bán, ngược lại giá bán không tăng do sức mua thị trường giảm, làm tỷ lệ lãi gộp giảm 16,9%.

- Công ty phải trích các khoản dự phòng: 55,5 tỷ đồng.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT

Người thực hiện CBTT

Đỗ Hướng Dương

Số : *17*./2017/CV-MSC

TP. Hồ Chí Minh, ngày *04* tháng *4* năm 2017

V/v: giải trình ý kiến ngoại trừ của
kiểm toán viên tại BCTC riêng và
hợp nhất 2016.

**Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC về việc hướng dẫn công bố thông tin của tổ chức niêm yết, Công ty cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận (mã cổ phiếu MSC) đã phát hành BCTC riêng và Hợp nhất cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 31/12/2016 được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn RSM tại Việt Nam (DTL).

Trong Báo cáo kiểm toán độc lập số 17.144/BCKT-RSM HCM ngày 03/4/2017 của Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn RSM tại Việt Nam (DTL) có 01 ý kiến ngoại trừ như sau: “*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty chưa đánh giá lại các khoản vay ngắn hạn có gốc ngoại tệ theo tỷ giá tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016 với số tiền là 8,4 tỷ đồng theo quy định tại chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam. Như vậy, nếu các khoản vay có gốc ngoại tệ nêu trên được đánh giá lại theo tỷ giá tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016 thì trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016, chỉ tiêu “Chi phí tài chính” sẽ tăng là 8,4 tỷ đồng và chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế” sẽ giảm đi 6,72 tỷ đồng. Đồng thời, trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016 chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” sẽ giảm đi 6,72 tỷ đồng*”

Công ty chúng tôi xin giải trình như sau: Công ty vay ngoại tệ (USD) để mua nông sản xuất khẩu, trong năm 2016 tổng thu ngoại tệ do xuất khẩu luôn đủ đảm bảo thanh toán nợ vay ngoại tệ và còn thừa bán cho ngân hàng hơn 24,729 triệu USD. Và tính từ ngày 01/01/2017 cho đến 31/03/2017, Công ty chúng tôi cũng đã thu ngoại tệ và thanh toán trước hạn nợ vay ngoại tệ với trị giá là 15,917 triệu USD. Với việc công ty luôn đảm bảo cân đối khoản thu ngoại tệ xuất khẩu để thanh toán nợ vay ngoại tệ nên không đánh giá lại khoản vay ngắn hạn có gốc ngoại tệ trên vào thời điểm cuối năm.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT

Người thực hiện CBTT



Đỗ Hương Dương